

THỰC TRẠNG CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN VIỆC ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TRONG DẠY HỌC MÔN GIÁO DỤC THỂ CHẤT CHO SINH VIÊN ĐẠI HỌC HUẾ

TS. Lê Quang Dũng¹; TS. Lê Hoài Nam²

Tóm tắt: Bằng phương pháp phỏng vấn, điều tra khảo sát và phương pháp toán học thống kê, tác giả nghiên cứu thực trạng các yếu tố ảnh hưởng đến việc ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) trong dạy học môn Giáo dục thể chất (GDTC) cho sinh viên Đại học Huế.

Từ khoá: Giáo dục thể chất, công nghệ thông tin, Đại học Huế...

Abstract: By means of interviews, surveys and mathematical and statistical methods, the author studies the current situation of factors affecting the application of information technology in teaching Physical Education to students of Hue University.

Keywords: physical education, information technology, Hue university....

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Nghị quyết Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo nêu rõ: “Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ phương pháp dạy và học theo hướng hiện đại; phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo và vận dụng kiến thức, kỹ năng của người học; khắc phục lối truyền thụ áp đặt một chiều, ghi nhớ máy móc;... Chuyển từ học chủ yếu trên lớp sang tổ chức hình thức học tập đa dạng, chú ý các hoạt động xã hội, ngoại khóa, nghiên cứu khoa học. Đẩy mạnh ứng dụng CNTT và truyền thông trong dạy và học”.

Khi nói đến ứng dụng CNTT trong dạy học có nghĩa là: Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị CNTT đáp ứng nhu cầu sử dụng của cán bộ, giảng viên và học viên; Sử dụng các thiết bị CNTT, các phần mềm làm công cụ hỗ trợ việc dạy và học các môn học trong nhà trường, khai thác tốt các phần mềm thiết kế bài dạy như phần mềm Powerpoint, Word, Adobe Presenter, Camtasia, Prezi, iSpring Presenter, V-iSpring Suit...; Tăng cường sử dụng mạng internet để khai thác thông tin, tham khảo và xây dựng giáo án điện tử có chất lượng.

Để ứng dụng CNTT, cần thiết phải đánh giá được các yếu tố ảnh hưởng đến việc ứng dụng CNTT trong giảng dạy, từ đó làm cơ sở cho việc cải tiến, đổi mới hoặc khắc phục hạn chế nhằm sớm tiếp cận với công nghệ, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo. Chính vì vậy, nghiên cứu đánh giá thực trạng các yếu tố ảnh hưởng đến việc ứng dụng CNTT trong dạy học môn GDTC của sinh viên Đại học Huế là việc làm hết sức

quan trọng và cấp thiết.

Quá trình nghiên cứu sử dụng các phương pháp sau: Phân tích và tổng hợp tài liệu; phỏng vấn, tọa đàm và toán học thống kê.

2. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

2.1. Về chương trình môn học GDTC:

2.1.1. Chương trình nội khóa:

Chương trình môn học GDTC nhằm cung cấp kiến thức, kỹ năng vận động cơ bản, hình thành thói quen luyện tập thể dục, thể thao để nâng cao sức khỏe, phát triển thể lực, tầm vóc, hoàn thiện nhân cách, nâng cao khả năng học tập, kỹ năng hoạt động xã hội với tinh thần, thái độ tích cực, góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện. Theo thông tư số 25/2015/TT-BGDĐT ngày 14/10/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, căn cứ vào điều kiện thực tế của Đại học Huế, chương trình môn học GDTC được bố trí gồm 4 tín chỉ tương ứng với 4 học kỳ như sau:

- Học kỳ 1 - Tương ứng với tín chỉ 1
- Học kỳ 2 - Tương ứng với tín chỉ 2
- Học kỳ 3 - Tương ứng với tín chỉ 3
- Học kỳ 4 - Tương ứng với tín chỉ 4

01 tín chỉ được quy đổi tương ứng 30 tiết thực hành trên lớp.

Nội dung cụ thể các tín chỉ trong chương trình môn học GDTC cho sinh viên Đại học Huế. Kết quả được trình bày ở bảng 1.

Qua bảng 1 cho thấy: Chương trình môn học GDTC của Đại học Huế có 4 tín chỉ được giảng dạy trong 4 kỳ đầu. Trong đó, tín chỉ 1 dạy môn điền kinh là tín chỉ bắt buộc, còn 3 tín chỉ còn lại là các môn học tự chọn 3 trong 8 môn là: Bóng

Bảng 1. Phân phối chương trình môn học GDTC của Đại học Huế

TC	TT	Nội dung chương trình	Số tiết	Phân phối chương trình			
				HK1	HK2	HK3	HK4
I		Phần môn bắt buộc (1 tín chỉ)		x			
Điền kinh		- Kỹ thuật chạy cự ly ngắn - Kỹ thuật chạy cự ly trung bình	30				
1		Nhập môn		2			
2		KT chạy cự ly ngắn		14			
3		KT chạy cự ly trung bình		14			
II		Phần môn tự chọn (chọn 3 trong 8 tín chỉ)			x	x	x
1		Bóng chuyền	30				
2		Bóng đá	30				
3		Bóng ném	30				
4		Bóng rổ	30				
5		Cờ vua	30				
6		Nhảy cao, nhảy xa	30				
7		Thể dục tay không	30				
8		Thể dục dụng cụ	30				

chuyên, Bóng đá, Bóng ném, Bóng rổ, Cờ vua, Nhảy cao, Nhảy xa, Thể dục tay không và Thể dục dụng cụ. Qua nghiên cứu các đề cương môn học của các tín chỉ trong chương trình môn học GDTC của Đại học Huế cho thấy chưa có yêu cầu cũng như đánh giá về mặt thể lực của SV theo quy định 53/2008/ QĐ-BGDĐT.

2.1.2. Chương trình hoạt động TDTT ngoại khóa

Hiện nay, Khoa GDTC – Đại học Huế vẫn chưa có chương trình hoạt động TDTT ngoại khóa cho sinh viên tham gia tập luyện. Đây là hạn chế làm ảnh hưởng đến quá trình học tập và rèn luyện của sinh viên. Để đánh giá thực trạng hoạt động TDTT ngoại khóa của SV Đại học Huế, đề tài tiến hành phỏng vấn 480 SV ở các khóa tuyển sinh 2017, 2018 về hoạt động TDTT ngoại khóa. Kết quả được trình bày ở bảng 2.

Qua bảng 2 cho thấy: Có 83.5% SV thích tập luyện ngoại khóa so với SV không thích là vượt trội ($p < 0.01$), nhưng có tới 58.1% không tập buổi nào so với số SV có tập ngoại khóa là có ý nghĩa thống kê ($p < 0.05$). Số SV không tập buổi nào chiếm tới 41.9%. Theo quy định tập luyện thường xuyên (tập luyện ít nhất 3 buổi trong 1 tuần) thì chỉ có 4.8% số SV trong tổng số SV được khảo sát thuộc diện đó mà thôi.

2.2. Về thực trạng về đội ngũ giảng viên:

Khoa GDTC - Đại học Huế là đơn vị trực thuộc Đại học Huế chịu trách nhiệm giảng dạy chương trình môn học GDTC cho SV Đại học Huế. Đội ngũ cán bộ giảng viên của Khoa GDTC - Đại học Huế là nhân tố quyết định đến chất lượng công tác GDTC cho SV. Họ là những người chịu trách nhiệm lập kế hoạch, thực hiện đúng chương trình GDTC theo đúng quy định của Bộ GD&ĐT và

Bảng 2. Thực trạng và nhu cầu tập luyện ngoại khóa của sinh viên Đại học Huế (n=480)

TT	Nội dung	Chọn		Không chọn		χ^2
		n	%	n	%	
1	Bạn có thích tập ngoại khóa?	401	83.5	79	16.5	256
2	Số buổi tập ngoại khóa trung bình trong một tuần:					
	- Không tập buổi nào	201	41.9	279	58.1	5.12
	- Một buổi/1 tuần	121	25.2	359	74.8	86.2
	- 2-3 buổi/1 tuần	54	11.25	426	88.75	295
	- Trên 3 buổi/1 tuần	23	4.8	457	95.2	399

của Đại học Huế. Thực trạng đội ngũ giảng viên của Khoa GDTC-Đại học Huế. Kết quả được trình bày ở bảng 3.

Bảng 3. Thực trạng đội ngũ giảng viên tham gia giảng dạy môn GDTC

Trình độ đào tạo	CN	ThS	TS	Tổng
Số lượng	05	37	08	50
Tỷ lệ %	10.0	74.0	16.0	100

Qua bảng 3 cho thấy: Tất cả giảng viên Khoa GDTC - Đại học Huế đều tốt nghiệp đại học, trong đó có tới 74% giảng viên có bằng thạc sỹ và 16% giảng viên có trình độ Tiến sĩ. Có thể thấy, Khoa GDTC có số lượng giảng viên khá đông đảo (tổng 50 giảng viên), so với một số trường trong khu vực thì số lượng GV đông hơn (Khoa GDTC của Đại học Đà Nẵng có 37GV, Đại học Vinh có 27GV). Giảng viên khoa GDTC cũng tương đối chuẩn hoá về trình độ, tuy vẫn chưa phải dồi dào về nhân lực nếu so với tổng số sinh viên toàn Đại học Huế nhưng cũng phần nào có thể đáp ứng được về cơ bản công tác giảng dạy tại Đại học Huế hiện nay.

2.3. Về thực trạng ứng dụng CNTT trong dạy học môn GDTC

2.3.1. Thực trạng nhận thức của giảng viên Khoa GDTC về ứng dụng CNTT trong dạy học:

Chúng tôi tiến hành đánh giá thực trạng nhận thức của giảng viên Khoa GDTC về ứng dụng CNTT trong dạy học. Kết quả được trình bày ở bảng 4

Qua bảng 4 cho thấy: Căn cứ kết quả khảo sát cho thấy, hầu hết giảng viên đều nhận thức được việc ứng dụng CNTT trong dạy học. Có 96.0% các giảng viên cho rằng rất cần thiết và cần thiết, trong đó có tới 56% giảng viên nhận thức là rất cần thiết, mức độ ít cần thiết chỉ chiếm 4.0% và trong 4.0% này, giảng viên chọn là do họ cho rằng có thể dùng nhưng tùy từng thời điểm và hoàn toàn không có giảng viên nào cho rằng không cần

thiết. Điều này cho thấy giảng viên của Khoa đều có nhận thức đúng đắn về việc phát triển và ứng dụng CNTT trong dạy học.

2.3.2. Thực trạng cơ sở hạ tầng, trang thiết bị CNTT của Khoa GDTC:

Đánh giá về cơ sở vật chất - kỹ thuật phục vụ ứng dụng CNTT trong dạy học:

Cơ sở vật chất bao gồm: máy tính và các thiết bị phụ trợ, tốc độ đường truyền internet... là những điều kiện cơ bản và cần thiết để ứng dụng CNTT vào công việc dạy học. Trong nhiều năm qua, Khoa đã được nối mạng internet, hỗ trợ tích cực công tác chuyên môn. Hệ thống máy tính đáp ứng những công việc cơ bản. Các phần mềm ứng dụng của Microsoft như Microsoft Word, Microsoft Excel và Microsoft PowerPoint được sử dụng thường xuyên.

Đa số cán bộ, giảng viên đều cho rằng ưu điểm của các phần mềm này là giá rẻ, giao diện thân thiện, dễ sử dụng, xử lý, lưu trữ và phân phối thông tin. Bên cạnh những ưu điểm đó thì các phần mềm này còn một số khuyết điểm chính như sau:

- Dữ liệu không được bảo mật.
- Chưa được sử dụng để thiết kế các chương trình, giáo án điện tử một cách thường xuyên. Các phần mềm này quá thông dụng, do vậy thiết kế bài giảng chỉ là cơ bản.
- Chưa có hệ thống phần mềm chuyên biệt trong việc thiết kế giáo án, chương trình học hay quản lý sinh viên (hồ sơ sinh viên...)

Vấn đề đặt ra hiện nay là chưa có một hệ thống đồng bộ các thiết bị phục vụ việc giảng dạy và học tập trong Khoa; trình độ về CNTT của cán bộ, giảng viên chưa đồng đều, bản thân sinh viên chưa đánh giá cao việc sử dụng CNTT phục vụ công tác học tập môn GDTC... Hơn nữa, môn GDTC gồm các môn học vận động, việc thiết kế bài giảng điện tử khá phức tạp do nhiều môn học với nhiều kỹ thuật đặc thù mỗi môn khác nhau,

Bảng 4. Đánh giá của giảng viên Khoa GDTC về sự cần thiết ứng dụng CNTT trong dạy học (n=50)

Đối tượng	Rất cần thiết		Cần thiết		Ít cần thiết (có thể dùng tùy từng thời điểm)		Chưa thấy cần thiết	
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
Giảng viên	28	56.0	20	40.0	02	4.0	0	0.0

Bảng 5. Một số khó khăn trong việc ứng dụng CNTT trong giảng dạy môn GDTC

TT	Những khó khăn	Ý kiến theo tỉ lệ %
1	Trình độ tin học của CB, GV chưa đáp ứng	65.0
2	Thiếu nhân lực chuyên trách CNTT	100
3	Thiếu kinh phí cho ứng dụng CNTT trong dạy học	82.0
4	Cơ sở vật chất tin học còn hạn chế	90.0
5	Chưa có phần mềm đủ mạnh và tiện dụng	76.0
6	Thói quen, trình độ sử dụng tin học chưa đổi mới	51.0

bản thân cũng sinh viên ít coi trọng môn học này, chủ yếu mang tâm lý “sợ” là chính, chỉ cần qua môn. Kết quả được trình bày ở bảng 5.

Qua bảng 5 cho thấy: CB, GV hầu hết đều đánh giá thống nhất những khó khăn cơ bản trong việc ứng dụng CNTT trong giảng dạy môn học GDTC còn hạn chế; thiếu nhân lực chuyên trách về CNTT; chưa có phần mềm đủ mạnh và tiện dụng... Trong đó, về thói quen, trình độ sử dụng tin học chưa đổi mới (tức là chưa hiểu nhiều về các phần mềm tiên tiến khác, chủ yếu chỉ những ứng dụng cơ bản) ít người chọn hơn cả và nguyên nhân do thiếu nhân lực chuyên trách CNTT được sự nhất trí cao với 100% ý kiến CB, GV.

3. KẾT LUẬN

Kết quả nghiên cứu cho thấy:

- Chương trình môn học GDTC được bố trí gồm 4 tín chỉ tương ứng với 4 học kỳ, phong trào học tập ngoại khoá môn GDTC chưa cao, đội ngũ giảng viên của Khoa GDTC về cơ bản đáp ứng nhu cầu cả về số lượng và trình độ. Đa số các giảng viên của Khoa đều có nhận thức đúng đắn về sự cần thiết của việc ứng dụng CNTT trong dạy học môn GDTC, phù hợp với xu hướng hiện nay.

- Thực trạng cơ sở hạ tầng, trang thiết bị CNTT của Khoa đáp ứng yêu cầu cơ bản, có nhiều ưu điểm song cũng có những hạn chế nhất định. Điều này cũng là một thực tế hiện nay, việc ứng dụng CNTT trong dạy học ở nước ta vẫn còn hạn chế so với các quốc gia trên thế giới do nhiều yếu tố khách quan và chủ quan. Vì vậy, cần đánh giá các yếu tố ảnh hưởng, ưu và nhược điểm sẽ là cơ sở để có những biện pháp điều chỉnh, sớm ứng dụng CNTT trong giảng dạy, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Trần Đình Châu, Đặng Thị Thu Thủy (2011), *Ứng dụng CNTT hỗ trợ đổi mới phương pháp dạy học*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
 2. Nguyễn Găng (2018), “Thực trạng và nhu cầu về đổi mới dạy học môn Giáo dục thể chất bằng hình thức đan xen dã ngoại, tự tập cho sinh viên ĐH Huế”. *Kỷ yếu hội thảo khoa học toàn quốc năm 2018 tại Đại học Cần Thơ*
 3. Nguyễn Găng, Nguyễn Thế Tinh (2018), “Thực trạng và định hướng đào tạo giáo viên GDTC tại ĐH Huế nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình và SGK mới”, *Hội thảo định hướng xây dựng chương trình Đào tạo, Bồi dưỡng Giáo viên GDTC, đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình và SGK mới*.
 4. Phạm Thị Lệ Hằng (2018), *Quản lý ứng dụng CNTT trong dạy học ở các trường trung học cơ sở thành phố Hà Nội đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục hiện nay*, Luận án Tiến sĩ Quản lý giáo dục Học viện Chính.
 5. Lưu Lâm (2002), “Công nghệ thông tin với việc dạy và học trong nhà trường Việt Nam”, *Tạp chí Giáo dục*, số 20, tr. 4-6.
 6. Đào Thái Lai (2006), *Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học ở trường phổ thông Việt Nam*, Viện chiến lược và Chương trình giáo dục.
- Nguồn bài báo:** Bài báo được trích từ kết quả nghiên cứu đề tài cấp Đại học Huế: “Ứng dụng CNTT trong giảng dạy chương trình môn học Giáo dục thể chất cho sinh viên không chuyên”, Chủ nhiệm đề tài: TS Lê Quang Dũng (2021).
- Ngày nhận bài: 25/9/2021; Ngày duyệt đăng: 27/11/2021.**